

Số: 376 /BC-ĐCM

Quảng Ninh, ngày 16 tháng 3 năm 2026

## BÁO CÁO

### Kết quả thực hiện SXKD năm 2025; Kế hoạch SXKD và đầu tư xây dựng năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông - Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng Cổ đông - Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV, với các nội dung chủ yếu sau:

#### A. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025.

##### I. Căn cứ thực hiện.

Công văn số 6636/TKV-KH ngày 26/11/2024 về việc Thông báo các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch PHKD năm 2025.

Quyết định số 2335/QĐ-TKV ngày 02/12/2024 của TKV về việc phê duyệt Kế hoạch thăm dò, khảo sát năm 2025.

Quyết định số 2344/QĐ-TKV ngày 03/12/2024 của TKV về việc Tổ chức thực hiện Kế hoạch thăm dò, khảo sát năm 2025.

Quyết định số 328/QĐ-TKV ngày 18/02/2025 của TKV về việc bổ sung Kế hoạch thăm dò khảo sát năm 2025;

Quyết định số 348/QĐ-TKV ngày 21/02/2025 của TKV về việc tổ chức thực hiện khối lượng Bổ sung Kế hoạch thăm dò, khảo sát năm 2025.

Quyết định số: 1019/QĐ-TKV ngày 23/5/2025 của TKV về việc ban hành Kế hoạch điều hành đáp ứng mục tiêu, chỉ tiêu tăng trưởng năm 2025 của Tập đoàn các công ty TKV;

Quyết định số 1939/QĐ-TKV ngày 15/9/2025 của TKV về việc Bổ sung Kế hoạch thăm dò, khảo sát năm 2025;

Quyết định số 2900/QĐ-TKV ngày 30/12/2025 của TKV về việc Điều chỉnh Kế hoạch thăm dò, khảo sát năm 2025;

Các văn bản hướng dẫn khác của TKV.

##### II. Kết quả thực hiện.

##### 1. Đánh giá tình hình thực hiện.

###### a. Thuận lợi:

Kế hoạch thăm dò khảo sát năm 2025 được Tập đoàn ban hành sớm; Một số Đề án thăm dò vướng mắc nhiều năm được tháo gỡ..., nên công tác chuẩn bị nhiệm vụ được thực hiện sớm hơn so với năm trước; Người lao động không phải nghỉ chờ việc nhiều. Trong triển khai thực hiện nhiệm vụ, Công ty luôn nhận được sự quan tâm tạo điều kiện của Tập đoàn, của chính quyền địa phương; sự phối hợp có hiệu quả của các đơn vị chủ đầu tư...

###### b. Khó khăn:

Đặc thù của công tác Địa chất thăm dò khảo sát; nhiều công trình có địa tầng thi công rất phức tạp; vị trí thi công nằm trong diện sản xuất của các đơn vị khai khoáng. Vướng mắc về thủ tục pháp lý; khó khăn về nguồn vốn dành cho công tác



thăm dò khảo sát; trình tự thủ tục lựa chọn nhà cung cấp theo quy định mất nhiều thời gian. Công tác đền bù GPMB gặp nhiều vướng mắc. Sự cạnh tranh của các đơn vị trong và ngoài ngành.

## 2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch SXKD năm 2025.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025 CV 6636	Kế hoạch tăng trưởng theo QĐ 1019	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ (%)	
						TH/KH	TH/KH tăng trưởng
1	2	3	4	5	6	7 = 6/4	8 = 6/5
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu hiện vật</b>						
	Khoan thăm dò	mét	45.500,0	49.850,0	56.906,6	125,1	114,2
	Khảo sát trắc địa	ha	15.850,0	17.560,0	18.168,9	114,6	103,5
<b>2</b>	<b>Giá trị thực hiện</b>	<b>tr.đồng</b>	<b>338.500</b>	<b>380.000</b>	<b>437.715</b>	<b>129,3</b>	<b>115,2</b>
	Khoan thăm dò	tr.đồng	280.100	315.850	363.303	129,7	115,0
	Khảo sát trắc địa	"	26.650	29.500	30.807	115,6	104,4
	Nhiệm vụ Địa chất	"	12.250	12.250	15.456	126,2	126,2
	Dịch vụ khoáng nóng	"	16.000	17.000	20.603	128,8	121,2
	SXKD khác	"	3.500	5.400	7.546	215,6	139,7
<b>3</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>tr.đồng</b>	<b>338.500</b>	<b>380.000</b>	<b>430.050</b>	<b>127,0</b>	<b>113,2</b>
	Doanh thu địa chất	"	319.000	352.650	406.023	127,3	115,1
	Doanh khác	"	19.500	27.350	24.027	123,2	87,9
<b>4</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>tr.đồng</b>	<b>333.400</b>	<b>371.896</b>	<b>424.372</b>	<b>127,3</b>	<b>114,1</b>
4.1	Chi phí trung gian	"	198.055	219.532	251.488	127,0	114,6
	Vật liệu	"	92.484	99.324	114.801	124,1	115,6
	Nhiên liệu	"	15.312	18.149	21.869	142,8	120,5
	Động lực	"	1.529	1.916	2.320	151,7	121,1
	Chi khác	"	64.772	73.660	84.734	130,8	115,0
	Mua ngoài	"	23.958	26.483	27.764	115,9	104,8
4.2	Giá trị gia tăng	"	135.345	152.364	172.884	127,7	113,5
	Khấu hao tài sản	"	12.024	12.024	11.281	93,8	93,8
	Tiền lương	"	107.426	124.445	146.468	136,3	117,7
	- Tiền lương SXKD	"	102.895	119.914	141.539	137,6	118,0
	- Tiền lương viên chức quản lý	"	1.987	1.987	2.385	120,0	120,0
	- Tiền lương QLVH Miếu Mỏ, khác	"	2.544	2.544	2.544	100,0	100,0
	BHXXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	"	14.261	14.261	14.223	99,7	99,7



TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025 CV 6636	Kế hoạch tăng trưởng theo QĐ 1019	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ (%)	
						TH/KH	TH/KH tăng trưởng
1	2	3	4	5	6	7 = 6/4	8 = 6/5
	Thuế trong giá thành	"	1.634	1.634	912	55,8	55,8
*	<b>K/chuyển chi phí dở dang (ĐK - CK)</b>	<b>tr.đồng</b>	<b>0</b>	<b>2.104</b>	<b>-3.852</b>		
	Dở dang đầu kỳ	"		2.104	2.104		
	Dở dang cuối kỳ	"			5.956		
5	<b>Lợi nhuận</b>	<b>tr.đồng</b>	<b>5.100</b>	<b>6.000</b>	<b>9.530</b>	<b>186,9</b>	<b>158,8</b>
6	<b>Lao động, tiền lương</b>						
	Tổng quỹ lương	tr.đồng	107.426	131.329	146.954	136,8	111,9
	Lao động bình quân	người	652	652	645	98,9	98,9
	Tiền lương bình quân	1000đ/ng/th	13.730	16.785	18.986	138,3	113,1
	Đơn giá tiền lương	đ/1000đ DT	321	350	350	109	100,0
7	<b>Đầu tư XDCB (KH điều chỉnh)</b>	<b>tr.đồng</b>	<b>39.845,0</b>	<b>26.061,0</b>	<b>26.211,0</b>	<b>65,8</b>	<b>101</b>

Khối lượng thực hiện đạt 125,1% so với KH; 114,2% so với KH tăng trưởng; 128,9% so với cùng kỳ. Giá trị thực hiện đạt 129,3% so với KH; 115,2% so với KH tăng trưởng; 132,2% so với cùng kỳ.

Về công tác quản trị chi phí: Năm 2025 tuy đầu năm còn nhiều khó khăn, nhưng trong năm, khối lượng khoan tăng cao, SXKD có nhiều thuận lợi, kết quả đạt vượt kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó Công ty vẫn tiếp tục tăng cường công tác quản trị chi phí, có giải pháp điều hành sản xuất phù hợp với tình hình thực tế sản xuất, nâng cao kỹ thuật chất lượng công trình, nâng cao năng suất lao động; Tăng cường quản lý bảo quản và sử dụng tiết kiệm vật tư, nhiên liệu tại công trường; Tổ chức bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị để duy trì phục vụ sản xuất...; tìm kiếm thêm việc làm bên ngoài TKV để tăng doanh thu; Thường xuyên dự báo tình hình tài chính để có giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả SXKD và sử dụng đồng vốn. Kết quả hoạt động SXKD của Công ty năm 2025 hoàn thành vượt mức kế hoạch đầu năm và kế hoạch điều hành của TKV, chỉ tiêu lợi nhuận đạt 186,9% so với kế hoạch đầu năm, Công ty bảo toàn được vốn, đời sống thu nhập của người lao động được tăng lên.

### 3. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ thăm dò khảo sát.

#### 3.1. Công tác tư vấn.

- Hoàn thành và trình TKV thẩm định báo cáo tổng kết kết quả thăm dò mỏ than Suối Lại theo đúng thời gian quy định; Các báo cáo Địa chất chuyên đề Công ty than Hà Tu, Công ty than Vàng Danh... Công tác tư vấn, giám sát tác giả Đề án thăm dò mỏ Suối Lại phục vụ thi công khối lượng 2025 đảm bảo đúng tiến độ.

- Thực hiện các phương án thăm dò khai thác, các phương án quản trắc ĐCTV, bản đồ cơ lý đá các Công ty than: Mạo Khê, Nam Mẫu, Vàng Danh, Hòn Gai, Dương Huy, Quang Hanh... đảm bảo chất lượng, tiến độ. Đáp ứng kịp thời cho công tác thi công.

- Các phương án TDKS khác: Công ty đã phối hợp với các đơn vị chủ đầu tư thực hiện công tác tư vấn.



### **3.2. Công tác thi công.**

- Khoan thăm dò: Năm 2025, Công ty triển khai thi công các Đề án thăm dò mỏ than Suối Lại, Hà Ráng; Các phương án TDKT của các Công ty than: Mạo Khê, Vàng Danh, Nam Mẫu, Hòn Gai, Hà Lâm, Thống Nhất, Quang Hanh, Hạ Long, Mông Dương...Đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả.

Kết quả thi công năm 2025, khối lượng thực hiện được 56.906,6/45.500 mk, đạt 125,1% KH năm; bằng 114,2% KH tăng trưởng (56.906,6/49.850 mk) và đạt 128,9% so với cùng kỳ (56.906,6/44.155,0 mk).

- Công tác ĐCTV, ĐCCT: Thi công các phương án ĐCTV, bản đồ cơ lý đá các khu mỏ Mạo Khê, Hòn Gai, Hà Lâm, Hạ Long, Quang Hanh, Dương Huy, Thống Nhất....

- Công tác Trắc địa: Thi công Phương án kiểm tra khối lượng mỏ cuối năm 2024 phần dở dang chuyển sang. Triển khai thi công các phương án Đo khối lượng mỏ năm 2025, khảo sát địa hình, quan trắc trong lò, quan trắc dịch động bờ mỏ, bãi thải, sân công nghiệp, thành lập lưới khống chế... thuộc các đơn vị sản xuất than, kiểm kê than tồn các đơn vị tuyển than, kho vận và cảng, đảm bảo được yêu cầu kỹ thuật các phương án đã đề ra.

### **4. Công tác quản trị chi phí và quản lý lao động.**

**4.1. Khấu hao TSCĐ:** Được trích vào giá thành sản phẩm theo mức quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

#### **4.2. Công tác quản lý, sử dụng vật tư:**

a. Quy định áp dụng:

- Thông tư số 11/2010/TT-BTNMT ngày 05/7/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, V/v Ban hành định mức kinh tế - Kỹ thuật các công trình Địa chất.

- Thông tư số 07/2013/TT-BTNMT ngày 07/5/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, V/v Ban hành định mức kinh tế - Kỹ thuật các công trình Địa chất.

- Quyết định số: 1380/QĐ-TM-KHZ ngày 12/6/2007 của TKV, V/v Ban hành định mức tiêu hao vật tư kỹ thuật khoan lấy mẫu bằng công nghệ cấp luận trong các công trình khảo sát thăm dò chuyên ngành than.

- Quyết định số: 1873/QĐ-TKV ngày 07/11/2023 của TKV, V/v Ban hành Bộ định mức, Đơn giá các công trình khảo sát, thăm dò Than và Khoáng sản;

- Quyết định số: 846/QĐ-ĐCM ngày 28/6/2024, V/v Phê duyệt và Ban hành định mức vật tư đối với công tác khoan thăm dò (công nghệ khoan thường trên mặt), áp dụng trong nội bộ Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV.

b. Công tác mua sắm, cấp phát vật tư, quản lý và bảo quản vật tư.

- Vật tư mua sắm được căn cứ vào nhu cầu thực tế sản xuất, thông qua các hợp đồng mua bán, giá mua cạnh tranh. Quy trình thực hiện theo các quy định của Nhà nước, TKV và của Công ty. Tất cả vật tư mua sắm đều đảm bảo chất lượng và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.

- Công tác cấp phát và sử dụng vật tư được thực hiện theo định mức, thiết kế kỹ thuật và nhu cầu thực tế của từng công trình, đồng thời thực hiện trên nguyên tắc thu cũ, cấp mới.

- Vật tư tại các công trường được sử dụng tiết kiệm, đúng mục đích theo yêu cầu thực tế của công việc, dự toán và thiết kế kỹ thuật đã phê duyệt.

c. Phân tích, đánh giá thực hiện định mức tiêu hao vật tư: Vật tư khoan chủ yếu được cấp phát sát với định mức tiêu hao, các công trình khoan của Công ty thực hiện trong năm 2025 đều hoàn thành nhiệm vụ và cân đối được chi phí giao khoán.



d. Tồn kho vật tư: Tỷ lệ tồn kho trên tổng giá trị vật tư xuất kho năm 2025 bằng 5,04% thấp hơn so với quy định 6% của TKV.

e. Đơn giá vật tư: Vật tư khoan chủ yếu đơn giá tăng từ 1,5 - 3%; đơn giá dầu Diesel giảm 806 đ/lít bằng 4,45% so với năm 2024, dầu mỡ phụ, hóa phẩm dung dịch khoan và xi măng thực hiện năm 2025 tương đương với đơn giá kế hoạch.

Đơn giá một số vật tư khác tăng, giảm nhẹ so với kế hoạch và các năm là do Công ty thay đổi chủng loại của vật tư để đáp ứng nhu cầu thực tế của sản xuất.

g. Tổng hợp tình hình mua bán, sử dụng vật tư năm 2025.

- Tồn đầu năm 01/01/2025: 5.073 triệu đồng

- Nhập trong kỳ: 172.103 triệu đồng

- Xuất trong kỳ: 168.673 triệu đồng

- Tồn cuối kỳ 31/12/2025: 8.503 triệu đồng

#### **4.3. Công tác tuyển dụng, đào tạo, tiền lương và thu nhập.**

##### **a. Tuyển dụng, sử dụng lao động:**

##### **a. Tuyển dụng, sử dụng lao động:**

- Công ty căn cứ khối lượng và giá trị được Hội đồng quản trị phê duyệt, trên cơ sở được TKV thông qua và căn cứ định mức lao động, xác định lao động kế hoạch cần sử dụng trong năm để đưa ra kế hoạch tuyển dụng lao động.

- Tình hình tuyển dụng lao động: Căn cứ vào kế hoạch tuyển dụng năm 2025 và tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty; Năm 2025 tăng 29 người trong đó: Tuyển mới: 14 người (Kỹ sư xây dựng: 01 người; Cơ khí: 02 người; LĐPT: 09 người; Sơ cấp bám huyết: 02 người); Tiếp nhận lại: 15 người (Trung cấp y học cổ truyền: 01 người; T/C nghề khoan: 01 người; LĐPT: 9 người, S/C khoan: 2 người; sơ cấp bám huyết: 01 người, CĐVLTL: 01 người).

- Sử dụng lao động và chất lượng lao động: Do quý I Công ty chủ yếu tập trung vào công tác tư vấn, chuẩn vị hồ sơ pháp lý để tham dự lựa chọn NCC do vậy số công nhân khoan chưa có đủ việc làm. Để ổn định thu nhập cho người lao động, Công ty tổ chức các lớp học nâng cao trình độ và bồi dưỡng nghề cho công nhân đây chuyên sản xuất chính, điều động công nhân bảo trì bảo dưỡng và sửa chữa các thiết bị khoan để chuẩn bị tốt cho sản xuất.

- Các giải pháp giữ chân, thu hút lao động có tài năng, có tay nghề, trình độ chuyên môn kỹ thuật cao: Công ty đã mở các lớp đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng tay nghề đáp ứng nhu cầu SXKD năm 2025 và những năm tiếp theo, phát động các phòng trào thi đua sản xuất cho các đơn vị trong Công ty nhân các ngày lễ, ngày kỷ niệm, hàng tháng, quý tổ chức khen thưởng, tuyên dương kịp thời các cá nhân, lao động xuất sắc.

- Bố trí việc làm cho người lao động.

+ Công ty sắp xếp lao động hợp lý đảm bảo tiền lương một công không thấp hơn mức tiền lương khoán theo kế hoạch.

- Giải quyết chính sách đối với lao động thiếu việc làm, thôi việc: Đã tổ chức rà soát, bố trí, tạo việc làm và đảm bảo thu nhập cho người lao động và giải quyết thôi việc cho người lao động theo quy định của Nhà nước; Hỗ trợ cho người lao động trong diện TCC nghỉ hưu trước tuổi theo quy định của TKV.

Cơ cấu lao động theo từng khu vực như sau:



Chỉ tiêu	Lao động có mặt đến 31/12/2025 theo KH	Thực hiện năm 2025				
		LĐ có mặt 01/01/2025	LĐ có mặt 31/12/2025	Tăng (+); giảm (-)	Trong đó	
					Giảm tuyệt đối (ii)	Giảm tương đối (iii)
A	B	1	2	3 = 2-1	4	5
Tổng số	652	628	628	0	-1	- 28
- Công nghệ	444	426	420	- 6		- 21
- Phục trợ	42	38	41	+3		-1
- Phục vụ	62	59	63	+4		- 3
- HĐ số:	15	15	15			
- Quản lý	89	90	89	-1	-1	-3

**b. Công tác quản lý tiền lương, tiền thưởng của người lao động, người quản lý năm 2025.**

\* Công tác quản lý tiền lương, tiền thưởng của người lao động

- Việc áp dụng hệ thống thang lương, bảng lương của TKV: Trên cơ sở hệ thống thang lương, bảng lương của TKV, Công ty đã ban hành hệ thống thang lương, bảng lương về chế độ phụ cấp lương theo Quyết định số 1452/QĐ- ĐCM ngày 15/11/2024 áp dụng từ 1/7/2024.

- Việc xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch tạm ứng và giao khoán tiền lương: Thực hiện theo quy chế quản lý lao động tiền lương; văn bản quy định hướng dẫn của TKV về năng suất, định mức... để xác định quỹ tiền lương kế hoạch. Trích lập các quỹ và giao khoán tiền lương cho các đơn vị, người lao động.

- Việc xác định quỹ tiền lương thực hiện năm 2025 của người lao động như sau:

- Giá trị thực hiện năm 2025: 432.525 trđ

+ Giá trị tính lương: 405.869 trđ

- Quỹ tiền lương thực hiện năm 2025: 146.954 trđ

+ Quỹ tiền lương tính theo đơn giá là: 136.145 trđ

+ Quỹ tiền lương Quản lý điều hành: 2.385 trđ

+ Quỹ tiền lương XDCCB và khác: 3.031 trđ

+ Lương bổ sung do tiết kiệm chi phí: 5.393 trđ

\* Tiền lương đối với người quản lý Công ty năm 2025.

- Tình hình xếp lương: Được thực hiện theo quy định tại hệ thống thang lương, bảng lương của Công ty đã ban hành.

- Xây dựng quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch: Công ty xây dựng quỹ tiền lương, thù lao cho người quản lý Công ty trên cơ sở Nghị định, thông tư của Nhà nước và các văn bản hướng dẫn của TKV để triển khai thực hiện.

- Tạm ứng, bổ sung tiền lương, thù lao, tiền thưởng: Trên cơ sở kế hoạch TKV giao đầu năm Công ty xác định quỹ tiền lương được hưởng và thù lao của người quản lý gắn với các kết quả sản xuất kinh doanh. Hàng tháng thực hiện tạm ứng 80% và cuối năm quyết toán tiền lương theo quy định. Quỹ tiền lương của người quản lý năm 2025 là: 2.385 trđ

- Việc trích chuyển tiền lương, thù lao, tiền thưởng: Công ty tạm ứng và quyết toán thù lao, tiền thưởng cho người đại diện của TKV tại Công ty theo quy định và chuyển nộp về TKV theo hướng dẫn công văn số 5559/TKV - TCNS ngày 23/10/2018.

c. Thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động:

- Ăn giữa ca: chi trả mức 730.000đ/ người/tháng

- Ăn định lượng cho công nhân khoán trong hầm lò: 65.000đ/công



- Bồi dưỡng độc hại theo 02 mức: Mức 13.000đ/công; mức: 20.000đ/công  
 - Phụ cấp đi lại làm việc cho người lao động theo 3 mức: Mức 1: 18.000đ/công; mức 2: 28.000đ/công; mức 3: 38.000đ/công.

- Hỗ trợ chi phí đi lại các ngày lễ tết bằng tiền mức 300.000/ngày/năm; Trang cấp đầy đủ BHLĐ và cấp trang phục bằng tiền; Hỗ trợ gói khám sức khỏe tiêu chuẩn cao...

- Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: Căn cứ hệ thống thang lương, bảng lương TKV Công ty xây dựng thang bảng lương và chủ động sắp xếp điều chỉnh mức lương đóng bảo hiểm cho CBCNV toàn Công ty theo quy định và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ do TKV và Nhà nước quy định.

#### **d. Công tác tuyển sinh, đào tạo:**

Công tác tuyển sinh và đào tạo: Căn cứ kế hoạch lao động cần tuyển dụng đã được xây dựng trong kế hoạch phối hợp kinh doanh hàng năm, Công ty thực hiện công tác đào tạo và tuyển dụng lao động.

Kết quả tuyển sinh, tuyển dụng và sử dụng lao động theo bảng sau:

Chỉ tiêu	Tuyển sinh (học sinh)		Biến động (công nhân)				
	KH	Thực hiện	Số đầu năm	Tăng (+)	Giảm (-)	Trong đó: Thôi việc, bỏ việc	Số cuối kỳ
<b>Tổng số:</b>	<b>49</b>		<b>628</b>	<b>29</b>	<b>29</b>		<b>628</b>
- Khoan máy địa chất	25		242	20	16		243
- Địa vật lý	1		13				12
- Địa chất	3		40		3		36
- Trắc địa	5		43				41
- Ngành nghề khác	15		290	9	10		296

**4.4. Công tác quản lý chi phí khác:** Chi phí khác gồm nhiều nội dung như công tác phí, điện, điện thoại văn phòng, hội họp, tiếp khách, lãi vay ngân hàng .... được Công ty thực hiện theo nội dung cụ thể và áp dụng các định mức chi phí hợp lý, đảm bảo mức giao khoán hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả.

#### **4.5. Công tác khoán, quản trị nội bộ:**

Công ty đã ban hành các văn bản khoán, quản trị chi phí:

- Quyết định số 325/QĐ-ĐCM ngày 10/3/2025 của Giám đốc Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV về việc Giao đơn giá tiền lương khoán sản phẩm và quỹ tiền lương khoán hoàn thành nhiệm vụ năm 2025 cho các đơn vị thuộc Công ty.

- Quyết định số 637/QĐ-ĐCM ngày 22/4/2025 của Giám đốc Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV về việc Ban hành Quy trình quản lý, thực hiện công tác vật tư Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV.

- Chỉ thị số 902/CT-ĐCM ngày 06/6/2025 của Giám đốc Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV về việc tiết kiệm điện và sử dụng các thiết bị điện an toàn, hiệu quả.

- Quyết định số 1333/QĐ-ĐCM ngày 28/7/2025 của Giám đốc Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV về việc Ban hành Quy định thực hiện mua sắm văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ thiết yếu phục vụ sinh hoạt và vật tư rẻ tiền mau hỏng.

- Các văn bản liên quan khác đến công tác quản trị vật tư, lao động tiền lương, tài chính.



Kết quả năm 2025 lợi nhuận của Công ty đạt 9.530 triệu đồng bằng 186,9% kế hoạch TKV giao.

Đánh giá: Công ty đã xây dựng và ban hành quy chế khoán, đơn giá giao khoán, văn bản, chỉ thị quản trị nội bộ kịp thời đảm bảo sát với yêu cầu nhiệm vụ, phù hợp với điều kiện sản xuất, điều kiện kỹ thuật, máy móc thiết bị, an toàn VSLĐ..., công tác khoán quản đã tiết kiệm chi phí ở các công đoạn sản xuất, nâng cao hiệu quả SXKD, nhìn chung năm 2025 các đơn vị nhận khoán đã thực hiện đảm bảo theo định mức, đơn giá giao khoán.

### **III. Công tác đầu tư XDCB.**

Năm 2025, Công ty triển khai thực hiện 02 Dự án theo kế hoạch:

(1) Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2025: Công ty đã thực hiện hoàn thành toàn bộ các gói thầu của Dự án và phê duyệt quyết toán Dự án với giá trị 5,53 tỷ đồng.

(2) Dự án khu nghỉ dưỡng khoáng nóng Địa chất: Công ty đã thực hiện hoàn thành công tác chuẩn bị dự án, công tác lựa chọn các nhà thầu thi công và tổ chức động thổ khởi công dự án ngày 09/8/2025. Giá trị thực hiện năm 2025 đạt 20,68 tỷ đồng, hiện nhà thầu thi công đang thực hiện thi công xây dựng các công trình theo thiết kế được duyệt, dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng đồng bộ tháng 10 năm 2026.

- Về công tác đất đai thực hiện Dự án: UBND tỉnh đã có Quyết định cho thuê đất số 471/QĐ-UBND ngày 25/02/2025; Công ty đã ký hợp đồng thuê đất với Sở NNMT, hợp đồng số 15/HĐTĐ ngày 04/4/2025; Ngày 13/5/2025 UBND tỉnh đã cấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty số AA 00585709 và số AA 00585756.

Tổng giá trị thực hiện hoàn thành năm 2025: 26.211 triệu đồng/39.845 triệu đồng KH ban đầu, đạt 65,8% so kế hoạch ban đầu, bằng 101% so kế hoạch điều chỉnh; Thực hiện giải ngân vốn đầu tư đạt 23,72 tỷ đồng/28,48 tỷ đồng, bằng 83,3% so với kế hoạch ban đầu, bằng 99,9% so với kế hoạch điều chỉnh, các dự án đều có trong kế hoạch được phê duyệt.

### **B. Kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư XDCB năm 2026.**

#### **I. Căn cứ thực hiện:**

Công văn số 7138/TKV-KH ngày 12/12/2025 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc Thông báo các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2026.

Quyết định 2633/QĐ-TKV ngày 09/12/2025 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc Phê duyệt kế hoạch thăm dò, khảo sát năm 2026.

Quyết định 2688/QĐ-TKV ngày 15/12/2025 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng Sản Việt Nam về việc Tổ chức thực hiện Kế hoạch thăm dò, khảo sát năm 2026.

Quyết định số 2369/QĐ-ĐCM ngày 31/12/2025 của Hội đồng quản trị Công ty về việc Tạm giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026;

Văn bản số 7204/TKV-ĐT ngày 15/12/2025 của TKV về việc thông báo kế hoạch đầu tư năm 2026;

Quyết định số 2233/QĐ-ĐCM ngày 18/12/2025 của HĐQT Công ty về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư năm 2026 của Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV;

Các văn bản có liên quan khác phục vụ công tác quản lý, điều hành chung trong Công ty.



## II. Kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư XDCB năm 2026.

### 1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Chỉ tiêu kế hoạch	Ghi chú
1	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>tr.đ</b>	<b>426.000</b>	
	Doanh thu Địa chất	"	384.000	
	Doanh thu dịch vụ và du lịch Địa chất	"	16.000	
	Doanh thu từ các đơn vị ngoài TKV	"	26.000	
2	<b>Giá trị sản xuất</b>	<b>"</b>	<b>426.000</b>	
*	<i>Giá trị sản xuất tính lương</i>	<i>"</i>	<i>357.006</i>	
3	<b>Tổng chi phí</b>	<b>"</b>	<b>409.066</b>	
3.1	Chi phí trung gian	"	251.588	
3.2	Giá trị gia tăng	"	157.478	
	- Khấu hao TSCĐ	"	12.689	
	- Tiền lương	"	129.094	
	+ <i>Tiền lương người lao động</i>	<i>"</i>	<i>124.595</i>	
	+ <i>Tiền lương người quản lý</i>	<i>"</i>	<i>1.888</i>	
	+ <i>Tiền lương QLVH Miếu mở, khác</i>	<i>"</i>	<i>2.611</i>	
	- Bảo hiểm XH, YT, Kinh phí CD	"	14.390	
	- Thuế (trong giá thành)	"	1.305	
4	<b>Lợi nhuận</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>16.934</b>	
	<i>Tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu</i>	<i>%</i>	<i>16</i>	
5	<b>Các chỉ tiêu hướng dẫn về lao động tiền lương</b>			
	- Lao động bình quân	người	633	
	- Tiền lương bình quân	1000đ/ng.th	17.003	
	- Đơn giá tiền lương	đ/1000đ GTSX	349	
6	<b>Cổ tức</b>	<b>%VĐL</b>	<b>≥ 2</b>	
7	<b>Nộp ngân sách</b>	<b>Theo quy định hiện hành</b>		

Trên cơ sở kế hoạch TKV giao năm 2026, ngay từ đầu năm Công ty đã triển khai tổ chức sản xuất. Tuy nhiên hiện tại do xung đột quân sự tại Trung Đông làm ảnh hưởng tiêu cực đến chuỗi cung ứng hàng hóa toàn cầu. Giá cả nguyên, nhiên vật liệu và các yếu tố đầu vào phục vụ sản xuất tăng cao do biến động của thị trường; lãi suất vay ngân hàng tăng; Bên cạnh đó các đối tác đều tiết giảm chi phí, trong khi giá thành công trình TDKS không tăng và có xu hướng giảm... Các yếu tố này làm ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản phẩm khoan và hiệu quả SXKD. Trước tình hình đó Công ty đã đề ra các giải pháp tiết giảm chi phí ở các khâu sản xuất nhằm quản trị và cân đối tài chính, tuy nhiên theo dự kiến chi phí vật tư và nhiên liệu tăng nhiều so với kế hoạch chi phí dẫn đến Công ty sẽ khó đảm bảo được các chỉ tiêu kế hoạch TKV giao, đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận.

### 2. Kế hoạch đầu tư XDCB năm 2026:

Tổng giá trị thực hiện đầu tư: 84.702 triệu đồng, trong đó:

- + Dự án Khu nghỉ dưỡng khoáng nóng Địa chất: 62.130 triệu đồng;
- + Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2026: 14.962 triệu đồng
- + Dự án chuyển đổi sở Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV năm 2026: 1.500 triệu đồng.

+ Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp nhà nghỉ giữa ca công nhân và giặt là: 6.110 triệu đồng; Tuy nhiên dự kiến Công ty sẽ không thực hiện Dự án do không bổ sung được công trình vào quy hoạch chi tiết.



Tổng giá trị giải ngân vốn đầu tư: 88.525 triệu đồng, trong đó:  
+ Dự án Khu nghỉ dưỡng khoáng nóng Địa chất: Tổng giải ngân: 65.953 triệu đồng, trong đó: trả khối lượng năm trước: 8.268 triệu đồng, thực hiện năm 2026: 57.685 triệu đồng;

+ Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2026: 14.962 triệu đồng

+ Dự án chuyển đổi sở Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV năm 2026: 1.500 triệu đồng

+ Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp nhà nghỉ giữa ca công nhân và giặt là: 6.110 triệu đồng, dự kiến không giải ngân do dự án chấm dứt đầu tư (không bổ sung được công trình vào quy hoạch chi tiết).

(Có biểu chi tiết kèm theo)

### III. Các giải pháp thực hiện.

1. Bám sát Kế hoạch khảo sát thăm dò của TKV và các đơn vị khai thác mỏ để hoàn thiện thủ tục ký kết hợp đồng thi công các Đề án/Phương án TDKS năm 2026, tăng cường tìm kiếm thêm nhiệm vụ trong và ngoài TKV.

2. Nâng cao chất lượng dịch vụ kỹ thuật (địa chất, trắc địa, ĐCTV-ĐCCT, địa vật lý, phân tích mẫu). Tăng cường quản lý kỹ thuật, chỉ đạo thi công, hoàn thành các Đề án/Phương án thăm dò đảm bảo tiến độ, năng suất, chất lượng, hiệu quả.

3. Thực hiện nghiêm quy định về an toàn, bảo hộ lao động, gắn liền với phát triển sản xuất và năng suất lao động. Triển khai thực hiện công tác an toàn, phòng chống mưa bão, giảm thiểu tối đa nguy cơ mất an toàn cho người, thiết bị, công trình.

4. Tăng cường công tác quản trị chi phí, quản lý vật tư, sử dụng máy móc, thiết bị, nhân lực, tiền vốn và các yếu tố đầu vào sản xuất một cách hiệu quả; Đẩy nhanh công tác nghiệm thu, thanh toán để thu hồi vốn phục vụ kịp thời cho sản xuất và giảm chi phí lãi vay ngân hàng.

5. Thực hiện nhiệm vụ đầu tư theo kế hoạch TKV thông qua, đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định, phù hợp với mục tiêu phát triển, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh, hiệu quả đầu tư. Đối với Dự án khu nghỉ dưỡng khoáng nóng Địa chất: Phối hợp với các đơn vị tư vấn QLDA, TVGS để đôn đốc nhà thầu thi công đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình, thực hiện tiến độ giải ngân theo kế hoạch được duyệt.

6. Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng; quan tâm khuyến khích lực lượng trực tiếp sản xuất, đặc biệt là lao động trong hầm lò. Tiếp tục chăm lo đời sống cho người lao động, phát triển nguồn nhân lực, làm tốt công tác quốc phòng - quân sự địa phương.

Với nội dung trên Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty. //

#### Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ Công ty;

- Lưu: Vthư, KH-KD, Thư ký Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
THÀNH VIÊN HĐQT - GIÁM ĐỐC



Hà Minh Thọ



## BIỂU CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2026

TT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành (được duyet/dự kiến)	Số Q.định; ngày tháng năm ban hành, cấp Q.định	Tổng mức đầu tư (được duyet/dự kiến)	Đơn vị	Khối lượng	Kế hoạch thực hiện đầu tư năm 2026				Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư năm 2026				
							Tổng số	Cơ cấu vốn đầu tư			Tổng số giải ngân	Cơ cấu nguồn vốn			
								Xây dựng	Thiết bị	Chi phí khác		Vay thương mại	Vốn chủ sở hữu	Quỹ phúc lợi đơn vị	Huy động khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	<b>Tổng số (A+B+C)</b>						<b>84.702</b>	<b>53.274</b>	<b>26.189</b>	<b>5.239</b>	<b>88.525</b>	<b>37.608</b>	<b>50.917</b>	-	-
A	<b>KHỐI LƯỢNG NĂM TRƯỚC</b>						-	-	-	-	8.268	-	8.268	-	-
	Dự án khu nghỉ dưỡng khoáng nóng Địa chất tại phường Cẩm Thủy và phường Cẩm Thạch, thành phố Cẩm Phả										8.268		8.268		
B	<b>KẾ HOẠCH CHÍNH THỨC</b>						<b>62.130</b>	<b>49.747</b>	<b>9.883</b>	<b>2.500</b>	<b>57.685</b>	<b>28.708</b>	<b>28.977</b>	-	-
II	<b>Dự án nhóm B</b>														
	Dự án khu nghỉ dưỡng khoáng nóng địa chất tại phường Cẩm Thủy và phường Cẩm Thạch, thành phố Cẩm Phả	2025-2026	Số: 505/QĐ-ĐCM ngày 04/4/2025 của Chủ tịch HĐQT	95.345,5			62.130	49.747	9.883	2.500	57.685	28.708	28.977	-	-



	Gói thầu số 05: Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình						58.093	49747	8346		54.006	28708	25298		
	Gói thầu số 06: Tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị						1.144			1144	1.144		1144		
	Gói thầu số 07: Cung cấp và lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải						1.537		1537		1.537		1537		
	Gói thầu số 09: Thẩm tra hồ sơ quyết toán dự án						108			108	108		108		
	Gói thầu số 10: Kiểm toán dự án						358			358	-				
	Phí vệ sinh môi trường đô thị						37			37	37		37		
	Gói thầu số 03-TV: Tư vấn thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình						111			111	111		111		
	Gói thầu số 04-TV: Tư vấn quản lý dự án						742			742	742		742		
<b>C</b>	<b>KẾ HOẠCH CHUẨN BỊ DỰ ÁN</b>						<b>292</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>292</b>	<b>292</b>	<b>-</b>	<b>292</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>Dự án nhóm C</b>														
	<b>Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp nhà nghỉ giữa ca công nhân và giặt là - Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV</b>						<b>292</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>292</b>	<b>292</b>	<b>-</b>	<b>292</b>	<b>-</b>	
	Lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật						270			270	270		270		
	Thẩm tra Báo cáo kinh tế kỹ thuật						22			22	22		22		





D	KẾ HOẠCH DỰ PHÒNG						22.280	3.527	16.306	2.447	22.280	8.900	13.380	-	-
	Dự án nhóm C														
1	Dự án chuyển đổi số Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV năm 2026	2026-2026		1.500			1.500			1.500	1.500		1.500		
2	Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2026 - Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV	2026-2026		14.962			14.962	-	14.892	70	14.962	8.900	6.062	-	-
	Máy khoan trên mặt (khoan đến chiều sâu >1.200m, tháp 18 mét)				Bộ	4	8.900		8.900		8.900	8.900			
	Thùng trộn dung dịch				Cái	5	375		375		375		375		
	Máy phát điện 10KWA				Cái	1	80		80		80		80		
	Búa phá đá thủy lực dùng cho máy xúc				Bộ	1	290		290		290		290		
	Xe ô tô điều hành sản xuất 7 chỗ 2 cầu chủ động				Cái	1	1.750		1.750		1.750		1.750		
	Máy chia mẫu				Cái	1	160		160		160		160		
	Máy nghiền đĩa				Cái	1	120		120		120		120		
	Phần mềm xử lý số liệu trắc địa				Bộ	3	240		240		240		240		
	Máy toàn đạc điện tử				Bộ	1	420		420		420		420		
	Ống đo mật độ thành lỗ khoan				Bộ	1	1.245		1.245		1.245		1.245		
	Thiết bị tường lửa vật lý				Cái	1	127		127		127		127		
	Phần mềm quản lý bán vé, bán hàng				Bộ	1	185		185		185		185		
	Nâng cấp phần mềm tính lương				Bộ	1	350		350		350		350		
	Máy rửa bát chậu đôi				Bộ	1	50		50		50		50		



	Kiểm toán						70			70	70		70		
	Dự phòng						600		600		600		600		
3	<i>Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp nhà nghỉ giữa ca công nhân và giặt là - Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV</i>	2026-2026		6.110			5.818	3.527	1.414	877	5.818	-	5.818	-	-
	Chi phí xây dựng						3.527	3527			3.527		3.527		
	Chi phí thiết bị						-				-		-		
	Máy giặt công nghiệp công suất 40kg/mẻ			Bộ	1		390		390		390		390		
	Máy sấy công nghiệp công suất 50kg/mẻ			Bộ	1		180		180		180		180		
	Máy điều hòa 12000BTU			Bộ	6		88		88		88		88		
	Thang máy 3 điểm dừng			Bộ	1		756		756		756		756		
	Chi phí quản lý dự án						170			170	170		170		
	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng						131			131	131		131		
	Chi phí khác						20			20	20		20		
	Dự phòng						555			555	555		555		